

Số: /VP-KSTTHCNC
V/v lấy ý kiến góp ý đối với dự
thảo văn bản quy phạm pháp luật
“Quyết định ban hành Quy định
chế độ báo cáo định kỳ của cơ
quan hành chính Nhà nước trên
địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

Kính gửi:

- Các sở: Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế;
- Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại mục 2 Phần I Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 4884/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, trên cơ sở kết quả rà soát của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Văn phòng UBND tỉnh chủ trì tổng hợp, xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: “Quyết định ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, thay thế Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh.

Để đảm bảo quy trình soạn thảo theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung), Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nội dung sau:

1. Đề nghị các sở: Giao thông vận tải, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương và Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cho ý kiến đóng góp đối với dự thảo Tờ trình và Quyết định ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (các dự thảo được gửi kèm theo Công văn này). Văn bản tham gia góp ý kiến gửi về Văn phòng UBND tỉnh, trước ngày 31/3/2024 để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, ban hành.

2. Đề nghị các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và Ban quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp nghiên cứu, xem xét Bảng tổng hợp kết quả rà soát và ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh (tại Phụ lục I kèm theo Công văn này). Trong trường hợp chưa thống nhất với kết quả rà soát, cơ quan, đơn vị có văn bản góp ý gửi về Văn phòng UBND tỉnh trước ngày 31/3/2024 để tổng hợp, xem xét, hoàn thiện.

Quá thời hạn nêu trên, các cơ quan, đơn vị không gửi văn bản tham gia ý kiến, coi như thống nhất nội dung dự thảo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT TTr UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi (để b/c);
- Công thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, CNTT, KSTTHCNC.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Trọng Trang

Phụ lục I
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ Ý KIẾN GÓP Ý CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH
VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
(kèm theo Công văn số: /VP-KSTTHCNC ngày /3/2024 của Văn phòng UBND tỉnh)

STT	Sở, ban, ngành cấp tỉnh	Văn bản của đơn vị	Kết quả rà soát của đơn vị	Ý kiến của Văn phòng UBND tỉnh
1.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Công văn số 72/HCC-TNHS ngày 22/02/2024 của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Bổ sung 01 Chế độ báo cáo định kỳ mới được quy định tại Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thanh Hóa	<p>Cơ bản thống nhất với kết quả rà soát của Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh. Tuy nhiên, tại điểm a khoản 2 Điều 18 Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND có 02 nội dung báo cáo định kỳ gồm:</p> <p>1/ Về tình hình, kết quả thực hiện Quy chế: Văn phòng UBND tỉnh kiến nghị lồng ghép nội dung này gộp vào Báo cáo Kiểm soát TTHC hàng quý/năm;</p> <p>2/ Về kết quả thực hiện DVCTT toàn trình, một phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Văn phòng UBND tỉnh kiến nghị sửa đổi từ BC quý, năm thành báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm (để phù hợp với Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 01/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh). + Bổ sung cơ quan nhận báo cáo, phương thức nhận gửi, thời hạn gửi, tần suất, thời gian chốt <i>(chi tiết tại dự thảo Quyết định kèm theo)</i> <p>Các nội dung này, Văn phòng UBND tỉnh đã chủ động chỉnh sửa trong dự thảo Quyết định sửa đổi Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND (hiện đang trong giai đoạn xin ý kiến).</p>

2.	Sở Thông tin và Truyền thông	Công văn số 392/STTTT-VP ngày 26/02/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông	<p>1/ Sửa đổi căn cứ pháp lý của Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến: Từ Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND thành Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021.</p> <p>2/ Không có đề xuất chế độ báo cáo định kỳ mới</p>	<p>1/ Thống nhất</p> <p>2/ Thống nhất</p>
3.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công văn số 739/SLĐTĐBXH -PCTNXH của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	<p>Bổ sung chế độ báo cáo “Tình hình, kết quả hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành về phòng, chống tệ nạn mại dâm; kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Đồng thời, sửa đổi tần suất báo cáo từ “06 tháng và năm” thành “năm” (tức bỏ chế độ báo cáo 06 tháng)</p>	<p>Không thống nhất. <i>Lý do:</i> Sau nghiên cứu, rà soát, Văn phòng UBND tỉnh nhận thấy: Báo cáo này đã được quy định tại Thông tư số 05/2006/TT-BLĐTBXH ngày 22/6/2006 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 4802/BVHTTDL-TTr ngày 02/12/2019 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Do đó, báo cáo này thuộc chế độ báo cáo của Bộ nên không đưa vào chế độ báo cáo của tỉnh.</p>
4.	Sở Công Thương	Công văn số 499/SCT-KHTCTH ngày 27/02/2024 của Sở Công Thương	<p>1/ Không đề xuất sửa đổi, bổ sung đối với Báo cáo kết quả thực hiện việc rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND.</p> <p>2/ Đối với chế độ báo cáo định kỳ mới “Báo cáo về tình hình chuyển đổi chợ, tình hình hoạt động kinh doanh tại chợ trên địa bàn” tại Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND</p>	<p>1/ Thống nhất</p> <p>2/ Thống nhất với Sở Công Thương về việc chưa đưa chế độ báo cáo về chuyển đổi chợ vào Báo cáo định kỳ. Đồng thời, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị Sở Công Thương nghiên cứu, xem xét sửa đổi hoặc bãi bỏ quy định tại khoản 7 Điều 14</p>

			<p>ngày 27/10/2021 của UBND tỉnh: Đề nghị chưa quy định chế độ báo cáo định kỳ này. Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Từ khi ban hành Quy trình chuyển đổi chợ thì thực tế chưa có chợ nào được chuyển đổi; + Việc chuyển đổi chợ còn gặp nhiều khó khăn từ quy định pháp luật, kinh phí, thẩm quyền... + Chính phủ đang giao Bộ Công Thương nghiên cứu quy định thay thế, sửa đổi. 	<p>Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 27/10/2021 (nhiệm vụ sửa đổi Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND đã được giao trong Chương trình công tác năm 2024 của UBND tỉnh tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 01/01/2024 của UBND tỉnh)</p>
5.	Sở Khoa học và Công nghệ	<p>Công văn số 239/SKHCN-QLCS ngày 27/02/2024 của Sở Khoa học và Công nghệ</p>	<p>Không đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ đối với Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND.</p>	<p>Thông nhất</p>
6.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<p>Công văn số 972/SNN&PTN T-VP ngày 28/02/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</p>	<p>1/ Đề nghị bãi bỏ chế độ báo cáo kết quả thực hiện chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao quy định tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND. <i>Lý do:</i> Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 08/1/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định</p>	<p>1/ Thông nhất</p>

			<p>các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 192/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đã bị bãi bỏ tại Quyết định số 19/2023/QĐUBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh.</p> <p>2/ Không đề xuất, kiến nghị bổ sung chế độ báo cáo định kỳ mới</p>	2/ Thống nhất
7.	Sở Y tế	<p>Công văn số 714/SYT-TCCB ngày 27/02/2024 của Sở Y tế</p>	<p>Đề xuất bãi bỏ chế độ báo cáo định kỳ tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ, thu hút cán bộ, giảng viên mới về công tác lâu dài tại Thanh Hóa tại quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND.</p> <p>Lý do: Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh đã hết hiệu lực, được thay bằng Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh; Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Thanh</p>	Thống nhất

			Hóa cũng hết hiệu lực theo Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh và không có quy định về chế độ báo cáo định kỳ.	
8.	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	Công văn số 559/BQLKKTN S&KCN-DNLD ngày 29/2/2024 của Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	Sửa đổi căn cứ pháp lý của chế độ báo cáo “Thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container đi quốc tế qua cảng biển Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa” <i>Cụ thể:</i> Nghị quyết số 166/2019/NQ-HĐND tỉnh ngày 04/4/2019 bị thay thế bởi Nghị quyết số 248/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. (chi tiết tại Công văn)	Không thống nhất <i>Lý do:</i> + Chế độ báo cáo “Thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container đi quốc tế qua cảng biển Nghi Sơn tỉnh Thanh Hóa” được quy định tại Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND đã không còn phù hợp. <i>Lý do:</i> Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành để thực hiện chính sách được quy định tại Nghị quyết số 166/2019/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của HĐND tỉnh. Nhưng Nghị quyết số 166/2019/NQ-HĐND đã bị thay thế bởi Nghị quyết số 248/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại Nghị quyết số 248/2022/ND-HĐND đã không còn quy định chế độ báo cáo định kỳ. Do đó, cần phải bãi bỏ chế độ báo cáo này và không ban hành chế độ báo cáo khác thay thế.
9.	Sở Giao thông vận tải	Công văn số 1456/SGTVT-KHTC ngày 14/3/2024 của	1/ Không có kiến nghị sửa đổi, bổ sung đối với báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ	1/ Thống nhất

		Sở Giao thông vận tải	<p>Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế.</p> <p>2/ Đối với chế độ báo cáo định kỳ mới: “Báo cáo kết quả thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn” tại Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh: Không bổ sung chế độ báo cáo này.</p> <p><i>Lý do:</i> Chế độ báo cáo này thực hiện sau ngày 15/11 hàng năm. Sau khi nhận được báo cáo, Sở Giao thông vận tải thực hiện kiểm tra hiện trường báo cáo UBND tỉnh, việc tổng hợp báo cáo phụ thuộc vào kết quả thực hiện của các địa phương và thời gian kiểm tra nên thời điểm báo cáo UBND tỉnh sẽ hoàn thành sang năm sau.</p>	2/ Thống nhất
10.	Sở Ngoại vụ	Công văn số 231/SNgV-VPTTr ngày 05/3/2024 của Sở Ngoại vụ	Không có đề xuất bổ sung chế độ báo cáo định kỳ	Thống nhất
11.	Ban Dân tộc	Công văn số 220/BDT-VP ngày 04/3/2024	Không có đề xuất bổ sung chế độ báo cáo định kỳ	Thống nhất

		của Ban Dân tộc		
12.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Công văn số 615/SGDDĐT-VP ngày 22/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo	Từ năm 2021 đến hết năm 2023, không phát sinh chế độ báo cáo định kỳ mới tại văn bản QPPL của UBND tỉnh thuộc ngành Giáo dục tham mưu quản lý.	Thông nhất
13.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Công văn số 1136/SKHĐT-THQH ngày 26/02/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư.	1/ Không có đề xuất sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ đối với chế độ báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh 2/ Không có đề xuất chế độ báo cáo định kỳ mới	1/ Thông nhất 2/ Thông nhất
14.	Sở Xây dựng	Công văn số 1243/SXD-KTXD ngày 23/02/2024	Không có đề xuất chế độ báo cáo định kỳ mới	Thông nhất
15.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Công văn số 1163/STNMT-VP ngày 01/02/2024	Không có đề xuất chế độ báo cáo định kỳ mới	Thông nhất

16.	Sở Tư pháp	Công văn số 376/STP-VP ngày 28/02/2024 của Sở Tư pháp	Không có đề xuất bổ sung chế độ báo cáo định kỳ	Thông nhất
17.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Công văn số 825/SVHTTDL-VP ngày 28/02/2024 của Sở Văn hóa, Thể thao và DL	Không có đề xuất bổ sung chế độ báo cáo định kỳ	Thông nhất
18.	Thanh tra tỉnh	Công văn số 451/TTTH-VP ngày 29/02/2024 của Thanh tra tỉnh	Kiến nghị quy định về thời gian chốt số liệu báo cáo và thời gian gửi báo cáo theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ	Thông nhất
19.	Sở Tài chính	Công văn số 982/STC-VP ngày 01/3/2024 của Sở Tài chính	Không có đề xuất bổ sung chế độ báo cáo định kỳ	Thông nhất

UBND TỈNH THANH HÓA
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-VP

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Quyết định Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Kính gửi: UBND tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước, Quyết định số 4884/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 và trên cơ sở kết quả rà soát của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh tiến hành xem xét, tổng hợp kính trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định ban hành “Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung chủ yếu như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở pháp lý

Cơ sở pháp lý ban hành Quyết định quy định chế độ báo cáo định kỳ của tỉnh, gồm:

- Khoản 3 Điều 28 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 quy định: “UBND tỉnh ban hành quyết định để quy định biện pháp thi hành Hiến pháp, Luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND cùng cấp về phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương”.

- Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm ban hành Quyết định quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý theo địa bàn”.

- Khoản 4 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định trách nhiệm của địa phương là: “Thường xuyên tổ chức rà

soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định này”.

- Mục 5 phần I Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 451/QĐ-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước quy định “Thường xuyên rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP”.

- Điểm 2 mục I Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 kèm theo Quyết định số 4884/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, giao trách nhiệm cho Văn phòng UBND tỉnh chủ trì tham mưu sửa đổi Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Cơ sở thực tiễn

- *Thứ nhất:* Thực hiện nhiệm vụ được giao tại khoản 4 Điều 30 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ về việc thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, đáp ứng các nguyên tắc và yêu cầu của Nghị định, Văn phòng UBND tỉnh đã đề nghị các sở, ban, ngành rà soát các chế độ báo cáo định kỳ được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành. Sau khi rà soát, tổng hợp kết quả như sau:

+ Tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, có 08 chế độ báo cáo định kỳ được quy định. Trong đó, có 03 báo cáo đã bị bãi bỏ hoặc hết hiệu lực thi hành; 01 báo cáo sửa đổi, bổ sung về căn cứ pháp lý và 04 báo cáo giữ nguyên.

+ Tại các văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành từ năm 2021 đến hết năm 2023, có phát sinh 01 chế độ báo cáo định kỳ mới, chưa được quy định tại Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh.

(chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

- *Thứ hai:* Tại Phụ lục 5, Báo cáo số 742/BC-STP ngày 13/10/2023 của Sở Tư pháp về việc báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2023 thì Quyết

định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh là một trong số các văn bản QPPL đề nghị bãi bỏ một phần nội dung.

- *Thứ ba:* việc xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ tiếp tục là một trong những tiêu chí chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh giai đoạn 2022-2030 (tại mục 7.2.3 Bảng 2 Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 876/QĐ-BNV ngày 10/11/2022 của Bộ Nội vụ). Do đó, việc nghiên cứu rà soát, bổ sung, cập nhật các chế độ báo cáo định kỳ hiện hành để triển khai báo cáo điện tử là phù hợp và cần thiết.

Xuất phát từ những yêu cầu nêu trên, Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh rà soát, xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thay thế Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh đã không còn phù hợp.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

Việc quy định chế độ báo cáo định kỳ của tỉnh để phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và hoàn thiện cơ sở pháp lý đảm bảo tính đầy đủ, khoa học, tạo điều kiện thuận lợi khi triển khai áp dụng Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng

Tại Mục 3 Phần III Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó đưa ra nhiệm vụ “Tập trung nâng cao thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)”.

Tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX nhiệm kỳ 2020-2025 đã quyết nghị các khâu đột phá, trong đó “Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo sức hấp dẫn mới để đẩy mạnh thu hút đầu tư, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Rà soát, khắc phục những hạn chế, yếu kém, nâng cao thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX)...”.

Trên cơ sở hiện thực hóa các quan điểm chỉ đạo của Trung ương và Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa về nâng cao thứ hạng Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh, việc quy định chế độ báo cáo định kỳ để đảm bảo căn cứ pháp lý tạo thuận lợi trong xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh và kết nối thành công với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ là một trong những nhiệm vụ cần thiết và phù hợp để đạt điểm về Tiêu chí hiện đại hóa hành chính trong Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại mục 2 phần I Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 4884/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh ban hành văn bản đề nghị các sở, ban, ngành cấp tỉnh rà soát chế độ báo cáo định kỳ được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh thuộc ngành, lĩnh vực tham mưu quản lý. Trên cơ sở kết quả rà soát của các đơn vị, Văn phòng UBND tỉnh tổng hợp, chỉnh sửa, hoàn thiện xây dựng dự thảo Quyết định với 06 chế độ báo cáo định kỳ của tỉnh được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh.

Dự thảo Quyết định đã được gửi lấy ý kiến của cơ quan, đơn vị chịu tác động của Quyết định (tại Công văn số/VP-KSTTHCNC ngày .../3/2024) và đăng tải 30 ngày trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến của cá nhân, tổ chức (bắt đầu từ ngày .../3/2024 đến ngày .../4/2024). Trong đó, cóý kiến đồng ý với dự thảo vàý kiến góp ý chỉnh sửa, được Văn phòng UBND tỉnh tiếp thu hoặc không tiếp thu.

Dự thảo Quyết định và dự thảo Tờ trình đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số/BCTĐ-STP ngày .../.../2024. Sau khi xem xét ý kiến thẩm định, Văn phòng UBND tỉnh đã tiếp thu, chỉnh sửa một số nội dung cho phù hợp với quy định pháp luật, tổng hợp hoàn chỉnh dự thảo.

Thực hiện Quy chế làm việc của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026, Văn phòng UBND tỉnh thực hiện xin ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số/VP-KSTTHCNC ngày...../.../2024. Trong đó, có ...đồng chí thống nhất và ...đồng chí có ý kiến góp ý, đã được giải trình cụ thể.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

- Quyết định ban hành “Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” gồm 03 Điều.

- Phần kèm theo Quyết định là nội dung “Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” gồm có: 03 Chương và Phụ lục kèm theo, cụ thể:

Chương I: Quy định chung gồm 02 Điều;

Chương II: Các chế độ báo cáo định kỳ gồm 06 Điều;

Chương III: Tổ chức thực hiện gồm 02 Điều.

Phụ lục kèm theo gồm Danh mục các chế độ báo cáo và 17 biểu mẫu báo cáo.

2. Một số nội dung cơ bản

Nội dung cơ bản gồm: Tên báo cáo, nội dung yêu cầu báo cáo, đối tượng báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, thời hạn gửi báo cáo, thời gian chốt số liệu báo cáo, tần suất báo cáo và biểu mẫu đề cương, biểu mẫu số liệu báo cáo, căn cứ pháp lý.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định ban hành “Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” (kèm theo dự thảo *Quyết định ban hành Quy định*), Văn phòng UBND tỉnh kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PCT TTr UBND tỉnh Nguyễn Văn Thi;
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Nguyễn Trọng Trang

Phụ lục
DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

(kèm theo Tờ trình số: /TTr-VP ngày / /2024 của Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên chế độ báo cáo	Tình trạng		
		Giữ nguyên	Sửa đổi, bổ sung và lý do	Bãi bỏ và lý do
I	DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ GIỮ NGUYÊN, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC BỊ BÃI BỎ (<i>đã được quy định Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa</i>)			
1.	Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa	Giữ nguyên		
2.	Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở	Giữ nguyên		

3.	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến		Sửa đổi Căn cứ pháp lý: Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thay bằng Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	
4.	Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	Giữ nguyên		

5.	Báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ, thu hút cán bộ, giảng viên mới về công tác lâu dài tại Thanh Hóa			<p>Bỏ chế độ báo cáo này</p> <p>Lý do:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định biện pháp thi hành chính sách hỗ trợ thu hút cán bộ, giảng viên mới về công tác lâu dài tại Thanh Hóa theo Nghị quyết số 44/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 và Nghị quyết số 238/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND tỉnh Thanh Hóa đã bị thay thế bởi Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh. - Quyết định số 06/2022/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh đã bị bãi bỏ bởi Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 26/6/2023 của UBND tỉnh và không còn quy định về chế độ báo cáo định kỳ
6.	Báo cáo kết quả thực hiện việc rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Giữ nguyên		
7.	Báo cáo kết quả thực hiện chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao			<p>Bỏ chế độ báo cáo này</p> <p>Lý do:</p> <p>Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định các biện pháp triển khai thực hiện</p>

				Nghị quyết số 192/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 đã bị bãi bỏ bởi Quyết định số 19/2023/QĐ-UBND ngày 23/5/2023 của UBND tỉnh và không còn quy định về chế độ báo cáo định kỳ.
8.	Báo cáo tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng tàu biển mở tuyến vận chuyển container đi quốc tế qua Cảng Nghi Sơn Thanh Hóa.			Bỏ chế độ báo cáo này Lý do: Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND của UBND tỉnh ban hành để thực hiện chính sách được quy định tại Nghị quyết số 166/2019/NQ-HĐND ngày 04/4/2019 của HĐND tỉnh. Nhưng Nghị quyết số 166/2019/NQ-HĐND đã bị thay thế bởi Nghị quyết số 248/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại Nghị quyết số 248/2022/ND-HĐND đã không còn quy định chế độ báo cáo định kỳ. Do đó, cần phải bãi bỏ chế độ báo cáo này và không ban hành chế độ báo cáo khác thay thế
II. DANH MỤC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ MỚI				
1.	Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện dịch vụ công	Văn bản QPPL của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo: Quyết định số 15/2022/QĐ-		

trực tuyến một phần, toàn trình của các cơ quan thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thanh Hóa.
TỔNG CỘNG: 04 báo cáo giữ nguyên, 01 báo cáo sửa đổi, 01 báo cáo mới, 03 báo cáo bãi bỏ = 06 chế độ báo cáo định kỳ.	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ
của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số /TTr-VP ngày tháng năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày / /2024 và bãi bỏ Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 09/08/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Giám đốc Công ty Điện lực Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHCNC, CNTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thi

QUY ĐỊNH**Chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

(kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND

ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về nội dung chế độ báo cáo định kỳ của cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Ngoài các chế độ báo cáo định kỳ tại Quy định này, chế độ báo cáo định kỳ khác thuộc phạm vi chức năng quản lý của UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại các văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
- Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

Chương II**CÁC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ**

Điều 3. Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa

- Nội dung yêu cầu báo cáo: Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.
- Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Giao thông vận tải.
- Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh.
- Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 25/12 hằng năm.
6. Tần suất thực hiện báo cáo: 01 lần/năm.
7. Thời gian chốt số liệu: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.
8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 01/SGTVT tại Phụ lục II kèm theo.
9. Biểu mẫu số liệu: Không
10. Căn cứ pháp lý: Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Điều 4. Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở

1. Nội dung yêu cầu báo cáo:
 - Tình hình thực hiện và ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.
 - + Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đang triển khai;
 - + Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chuyển tiếp và phê duyệt thực hiện năm tiếp theo;
 - + Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã nghiệm thu; tỷ lệ ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ vào thực tiễn.
 - + Đánh giá chung: Kết quả đạt được; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; giải pháp khắc phục.
 - Kế hoạch triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chuyển tiếp và phê duyệt thực hiện năm tiếp theo.
 - Đề xuất, kiến nghị.
2. Đối tượng thực hiện báo cáo:
 - + UBND các huyện, thị xã, thành phố;
 - + Sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh;
 - + Sở Khoa học và Công nghệ.
3. Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh.
4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).
5. Thời hạn gửi báo cáo:

- Sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 20/12 hằng năm.

- Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hằng năm.

(Sửa đổi thời hạn gửi báo cáo đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố từ “ngày 10/12 hằng năm” thành “ngày 20/12 hằng năm” và sửa đổi thời hạn gửi báo cáo của Sở Khoa học và Công nghệ từ “ngày 20/12 hằng năm” thành “ngày 25/12 hằng năm” được quy định tại Khoản 2 Điều 16, Khoản 4 Điều 17 và Khoản 4 Điều 18 Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa).

6. Tần suất thực hiện báo cáo: 01 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 02/SKHCN tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu: Biểu mẫu số 03/SKHCN; Biểu mẫu số 04/SKHCN; Biểu mẫu số 05/SKHCN tại Phụ lục II kèm theo.

10. Căn cứ pháp lý: Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành “Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

Điều 5. Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến

1. Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Số lượng các cuộc họp truyền hình trực tuyến trong 01 năm công tác;
- Tình trạng sử dụng hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin của phòng họp trực tuyến;
- Chất lượng hoạt động của hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin của phòng họp trực tuyến.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến.

3. Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo:

- UBND các xã, phường, thị trấn báo cáo UBND cấp huyện trước ngày 17/12 hằng năm;

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 20/12 hằng năm;

- Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hằng năm.

6. Tần suất thực hiện báo cáo: 01 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo:

- Biểu mẫu đề cương cơ sở: Biểu mẫu số 05/STTTT tại Phụ lục II kèm theo.

- Biểu mẫu đề cương tổng hợp: Biểu mẫu số 07/STTTT tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu:

- Biểu mẫu số liệu cơ sở: Biểu mẫu số 06/STTTT tại Phụ lục II kèm theo.

- Biểu mẫu số liệu tổng hợp: Biểu mẫu số 08/STTTT tại Phụ lục II kèm theo.

10. Căn cứ pháp lý: Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 6. Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

1. Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo tình hình triển khai thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Sở Tài chính: Báo cáo tình hình triển khai thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các dự án.

- Các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách: Báo cáo tình hình thực hiện các dự án; kết quả hỗ trợ và hiệu quả của chính sách đối với dự án đã được hỗ trợ.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.

3. Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo:

- Sở Tài chính; các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách báo cáo gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20/12 hằng năm.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hằng năm.

6. Tần suất thực hiện báo cáo: 01 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu báo cáo: Từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 09/SKHĐT tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu báo cáo: Biểu mẫu số 10/SKHĐT tại Phụ lục II kèm theo.

10. Căn cứ pháp lý: Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 7. Báo cáo kết quả thực hiện việc rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

1. Nội dung yêu cầu báo cáo:

- Công trình trạm biến áp chuyên dùng do ngành điện đầu tư.

- Công trình trạm biến áp trung áp do khách hàng đầu tư.

- Các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có).

2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Công ty Điện lực Thanh Hóa, Sở Công Thương.

3. Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc trên TD office (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo:

- Công ty Điện lực Thanh Hóa báo cáo Sở Công Thương trước ngày 20 hàng tháng;

- Sở Công Thương báo cáo UBND tỉnh trước ngày 25/12 hằng năm.

(sửa đổi thời hạn gửi báo cáo của Công ty Điện lực Thanh Hóa từ “trước ngày 14 hàng tháng” thành “trước ngày 20 hàng tháng” được quy định tại Điều 10 Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh

Hóa, cụ thể như sau: “Công ty Điện lực Thanh Hóa báo cáo bằng văn bản định kỳ trước ngày 20 hàng tháng cho Sở Công Thương...”.

6. Tần suất thực hiện báo cáo:

- Công ty Điện lực Thanh Hóa báo cáo tháng về Sở Công Thương: 12 lần/năm;

- Sở Công Thương báo cáo năm về UBND tỉnh: 01 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu:

- Báo cáo tháng: Công ty Điện lực Thanh Hóa chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng báo cáo.

- Báo cáo năm: Sở Công Thương chốt số liệu từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 11/SCT tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu: Biểu mẫu số 12/SCT tại Phụ lục II kèm theo.

10. Căn cứ pháp lý: Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định quy trình thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 8. Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình của các cơ quan thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh

1. Nội dung yêu cầu báo cáo: Đánh giá kết quả triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình của các cơ quan thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

2. Đối tượng thực hiện báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

3. Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Cơ quan khác.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (địa chỉ: <http://baocao.thanhhoa.gov.vn>) hoặc Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc (khi cần thiết).

5. Thời hạn gửi báo cáo:

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác trước ngày 18 hàng tháng;

6. Tần suất thực hiện báo cáo: 12 lần/năm.

7. Thời gian chốt số liệu:

- Báo cáo tháng: Chốt số liệu tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 của tháng báo cáo (trừ Báo cáo tháng 3, tháng 6, tháng 9, tháng 12).

- Báo cáo quý: Chốt số liệu tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý (trừ Báo cáo quý IV).

- Báo cáo năm: Chốt số liệu từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của năm báo cáo.

8. Mẫu đề cương báo cáo: Biểu mẫu số 13/HCC tại Phụ lục II kèm theo.

9. Biểu mẫu số liệu: Biểu mẫu số 14/HCC, Biểu mẫu số 15/HCC, Biểu mẫu số 16/HCC, Biểu mẫu số 17/HCC tại Phụ lục II kèm theo.

10. Căn cứ pháp lý:

Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thanh Hóa (được sửa đổi, bổ sung).

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Thực hiện tiếp nhận, tổng hợp, lưu trữ, khai thác dữ liệu thông tin của các chế độ báo cáo định kỳ phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Công bố, công khai Danh mục chế độ báo cáo định kỳ của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Thời hạn công bố chậm nhất là sau 15 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Nội dung công bố gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo.

3. Thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và quy định hiện hành.

4. Tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Đồng thời, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, an toàn, an ninh thông tin của Hệ thống.

5. Chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các đơn vị sự nghiệp công lập; các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này và quy định tại Điều 23 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I**DANH MỤC CÁC CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH THANH HÓA***(kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Tên Báo cáo	Đối tượng thực hiện	Cơ quan nhận báo cáo	Tần suất	Văn bản quy phạm pháp luật quy định chế độ báo cáo
1.	Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của HĐND tỉnh Thanh Hóa	Sở Giao thông vận tải	UBND tỉnh	01 lần/năm	Quyết định số 06/2019/QĐ-UBND ngày 18/3/2019 của UBND tỉnh ban hành quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế theo Nghị quyết số 125/2018/NQ-HĐND ngày 13/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa.
2.	Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở	+ UBND các huyện, thị xã, thành phố; + Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; + Sở Khoa học và Công nghệ.	UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp).	01 lần/năm	Quyết định số 37/2018/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành “Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”.

3.	Báo cáo tình hình quản lý và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến.	UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp)	01 lần/năm	Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
4.	Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính; các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.	UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp).	01 lần/năm	Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định các biện pháp triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
5.	Báo cáo kết quả thực hiện việc rút ngắn thời gian tiếp cận điện năng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	Công ty Điện lực Thanh Hóa, Sở Công Thương.	UBND tỉnh (qua Sở Công Thương tổng hợp).	12 lần/năm và 01 lần/năm.	Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định quy trình thực hiện cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết các thủ tục cấp điện qua lưới điện trung áp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

6.	Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến một phần, toàn trình của các cơ quan thực hiện TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Cơ quan khác.	12 lần/năm	Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 05/5/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thanh Hóa (được sửa đổi, bổ sung).
----	--	--	--	------------	--

Phụ lục II
CÁC BIỂU MẪU BÁO CÁO ĐỀ CƯƠNG VÀ BÁO CÁO SỐ LIỆU
KÈM THEO CỦA CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
(kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND
ngày / /2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Biểu mẫu số 01/SGTVT

Đơn vị báo cáo: Sở Giao thông vận tải;
Đơn vị nhận báo cáo: UBND tỉnh

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

Thanh Hoá, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ các hãng hàng không
mở đường bay mới từ Cảng hàng không Thọ Xuân
đi các cảng hàng không trong nước và quốc tế năm....**

1. Số đường bay đã mở mới.
2. Số kinh phí đã hỗ trợ; các cơ chế chính sách đã hỗ trợ
3. Ưu điểm, hạn chế, khó khăn
(Đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ)
4. Đề xuất, kiến nghị.

Nơi nhận:

- Các cơ quan
- Lưu: VT, HC.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 02/SKHCCN

Cơ quan, đơn vị báo cáo: UBND cấp huyện; Sở, ban, ngành cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp).

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-....

Thanh Hóa, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm....

1. Tình hình thực hiện và ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

- Tổng số nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đang triển khai
- Tổng số nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở chuyên tiếp và phê duyệt thực hiện năm tiếp theo
- Tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã nghiệm thu, trong đó kết quả đánh giá xếp loại:
 - + Xuất sắc:.....nhiệm vụ
 - + Đạt:nhiệm vụ
 - + Không đạt:nhiệm vụ
- Đánh giá chung:
 - + Kết quả đạt được:
 - + Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:
 - + Giải pháp khắc phục:

(Số liệu cụ thể ở biểu mẫu kèm theo)

2. Kế hoạch triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở chuyên tiếp và phê duyệt thực hiện năm tiếp theo

3. Đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở KH&CN;
-;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 05/STTTT

Cơ quan báo cáo: Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã, UBND cấp huyện, các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến.

Cơ quan nhận báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-....

Thanh Hoá, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Tình hình vận hành, sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến năm...

1. Nội dung

- Số lượng cuộc họp:
- Địa điểm thực hiện:
- Vận hành hoạt động hệ thống:.....
- Diễn biến hoạt động của các cuộc họp:.....
- Tổng hợp thông tin và đề xuất các biện pháp xử lý:.....
- Cán bộ thực hiện:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn A	Chuyên viên VP
2	Nguyễn Văn B	Cán bộ kỹ thuật Viễn thông

2. Trạng thái thiết bị

(có Biểu mẫu số 06/STTTT kèm theo)

3. Đánh giá chung

- Chất lượng cuộc họp:....
- Xử lý sự cố:
- Đề xuất, kiến nghị:...
- Kết luận chung:

Nơi nhận:

-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 06/STTTT

Cơ quan báo cáo: Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã, UBND cấp huyện, các cơ quan khác có sử dụng thiết bị truyền hình trực tuyến.

Cơ quan nhận báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông

Biểu số liệu thông tin về hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến

(ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC- ngày..... của)

STT	Loại thiết bị	Địa điểm thực hiện	Số lượng	Đánh giá chung tình trạng thiết bị			Sự cố thiết bị	
				Tốt	Trung bình	Yếu	Nguyên nhân	Phương án khắc phục
I	Thông tin cuộc họp			(*)	(*)	(*)	(*)	(*)
II	Thống kê trạng thái thiết bị	(*)						
1	Thiết bị giải mã THHN (Polycom, grandstream, aver, máy tính...)	(*)						
2	Hệ thống microphone (thu âm tốt, rền, nhỏ...)	(*)						
3	Hệ thống loa (nghe tốt, nhỏ, ù...)	(*)						
4	Hệ thống hình ảnh (Ti vi, máy chiếu...)	(*)						
5	Đường truyền	(*)						
6	Nguồn điện (điện lưới, qua lưu điện...)	(*)						

Ghi chú: ô có (*) là ô không phải điền dữ liệu.

Biểu mẫu số 07/STTTT

Cơ quan báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông

Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh Thanh Hóa

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-STTTT

Thanh Hoá, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Tổng hợp tình hình vận hành, sử dụng
hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến năm...**

1. Nội dung

- Số lượng cuộc họp:.....
- Vận hành hoạt động hệ thống:.....
- Diễn biến hoạt động của các cuộc họp:.....
- Tổng hợp thông tin và đề xuất các biện pháp xử lý.

2. Trạng thái thiết bị

(có Biểu mẫu số 08/STTTT kèm theo)

3. Đánh giá chung

- Chất lượng cuộc họp:.....
- Xử lý sự cố:
- Đề xuất, kiến nghị:.....
- Kết luận chung:

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu số 08/STTTT
 Cơ quan báo cáo: Sở Thông tin và Truyền thông
 Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh Thanh Hóa

Biểu số liệu thông tin về hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến
 (ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-STTTT ngày...../...../.....của)

STT	Loại thiết bị	Số lượng	Tình trạng thiết bị		
			Tốt	Trung bình	Yếu
I	Thông tin cuộc họp		(*)	(*)	(*)
II	Thống kê trạng thái thiết bị				
1	Thiết bị giải mã THHN (Polycom, grandstream, aver, máy tính...)				
2	Hệ thống microphone (thu âm tốt, rè, nhỏ...)				
3	Hệ thống loa (nghe tốt, nhỏ, ù...)				
4	Hệ thống hình ảnh (Ti vi, máy chiếu...)				
5	Đường truyền				
6	Nguồn điện (điện lưới, qua lưu điện...)				

Ghi chú: ô có (*) là ô không phải điền dữ liệu.

Biểu mẫu 09/SKHĐT

*Cơ quan báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính,
Các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.*

*Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và
Đầu tư tổng hợp).*

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-....

Thanh Hóa, ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của
HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử
dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư
vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh**

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh.

- Tình hình triển khai thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Thuận lợi, khó khăn.

- Đề xuất kiến nghị.

2. Sở Tài chính: Báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh.

- Tình hình triển khai thực hiện chính sách tín dụng, vốn cấp bù lãi suất và mức vốn sử dụng ngân sách tỉnh để thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Thuận lợi, khó khăn.

- Đề xuất kiến nghị.

3. Các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách: Báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/2019/NQ-HĐND ngày 16/10/2019 của HĐND tỉnh.

- Tình hình thực hiện các dự án.

- Đánh giá kết quả hỗ trợ và hiệu quả của chính sách đối với dự án đã được hỗ trợ.

- Khó khăn, vướng mắc

- Đề xuất kiến nghị.

(Có biểu mẫu kèm theo)

Nơi nhận:

-

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 10/SKHĐT

Cơ quan báo cáo: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính,

Các đơn vị, doanh nghiệp thụ hưởng chính sách.

Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp).

**BẢNG SỐ LIỆU KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÍN DỤNG,
VỐN CẤP BÙ LÃI SUẤT VÀ MỨC VỐN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TỈNH ĐỂ THỰC HIỆN
CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**
(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-.....ngày...../...../.....của.....)

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn vay	Tình hình thực hiện			Kế hoạch hỗ trợ năm tiếp theo	Thời gian hoàn thành dự án	Ghi chú	
							Tổng vốn được hỗ trợ	Vốn đã được hỗ trợ đến thời điểm báo cáo					Số vốn còn lại chưa được hỗ trợ
								Tổng	Trong đó: Vốn hỗ trợ của năm báo cáo				
1													
2													
....													
	Tổng cộng												

Biểu mẫu 11/SCT

Cơ quan báo cáo: Công ty Điện lực Thanh Hóa, Sở Công Thương
Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Công Thương tổng hợp).

ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-....

Thanh Hóa, ngày tháng năm

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện việc rút ngắn thời gian tiếp cận
điện năng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

1. Công trình trạm biến áp chuyên dùng do ngành Điện đầu tư

- Số lượng: ... công trình;
- Thời gian giải quyết trung bình của ngành điện: ... ngày
- So sánh thời gian giải quyết trung bình của ngành điện so với thời gian quy định tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Thời gian giải quyết trung bình của cơ quan nhà nước: ... ngày
- So sánh thời gian giải quyết trung bình của cơ quan nhà nước so với thời gian quy định tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

2. Công trình trạm biến áp trung áp do khách hàng đầu tư

- Số lượng: ... công trình;
- Thời gian giải quyết trung bình của ngành điện: ... ngày.
- So sánh thời gian giải quyết trung bình của ngành điện so với thời gian quy định tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.
- Thời gian giải quyết trung bình của cơ quan nhà nước: ... ngày
- So sánh thời gian giải quyết trung bình của cơ quan nhà nước so với thời gian quy định tại Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

(Có biểu mẫu số liệu kèm theo)

3. Các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện (nếu có)

4. Các đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 12/SCT

Cơ quan báo cáo: Công ty Điện lực Thanh Hóa, Sở Công Thương
 Cơ quan nhận báo cáo: UBND tỉnh (qua Sở Công Thương tổng hợp).

**BIỂU MẪU SỐ LIỆU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN VIỆC RÚT NGẮN THỜI GIAN
 TIẾP CẬN ĐIỆN NĂNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**
 (ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC- ...ngày .././... của.....)

STT	Tên công trình	Địa điểm	Thời gian tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục khảo sát hiện trường, thỏa thuận đầu nối (ngày)			Thời gian giải quyết thủ tục Thỏa thuận vị trí cột/trạm điện và hành lang lưới điện và cấp phép thi công đối với các công trình có vị trí cột điện, trạm biến áp (ngày)			Thời gian giải quyết thủ tục Ký kết hợp đồng mua bán điện, nghiệm thu đóng điện (bao gồm cả thời gian thi công đối với công trình thuê ngành điện đầu tư) (ngày)			Tổng thời gian giải quyết của ngành điện	Tổng thời gian giải quyết của Cơ quan nhà nước	Thời gian thực tế giải quyết	Tổng thời gian rút ngắn	Ghi chú			
			Đơn vị thực hiện	Số ngày thực tế	Số ngày rút ngắn	Đơn vị thực hiện	Số ngày thực tế	Số ngày rút ngắn	Đơn vị thực hiện	Số ngày thực tế	Số ngày rút ngắn						Đơn vị thực hiện	Số ngày thực tế	Số ngày rút ngắn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(20)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16=5+14)	(17)= Max (cột 8, 11)	(18=16+17)	(19)=Cột (6 + min (cột 9+12)+15)	(20)
A	CÔNG TRÌNH TRẠM BIẾN ÁP CHUYÊN DỤNG DO NGÀNH ĐIỆN ĐẦU TƯ																		
1	Công trình ..																		
2	Công trình ..																		
3																		
	Tổng A														(*)	(**)			
B	CÔNG TRÌNH TRẠM BIẾN ÁP TRUNG ÁP DO KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ																		
1	Công trình ..																		
2	Công trình ..																		
3																		
	Tổng B														(*)	(**)			

Ghi chú: Ô (*) là Tổng thời gian giải quyết trung bình của ngành điện = Tổng cột (16)/tổng số công trình;
 Ô (**) là Tổng thời gian giải quyết trung bình của Cơ quan nhà nước = Tổng cột (17)/tổng số công trình.

Biểu mẫu 13/HCC
 Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.
 Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư,
 Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH THANH HÓA
 TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-HCC

Thanh Hóa, ngày tháng năm

BÁO CÁO
Tình hình tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến
tháng .../quý ... /năm ...

1. Kết quả tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến

a) Toàn tỉnh.

- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:hồ sơ;
- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần:hồ sơ;
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt:....%. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt:...%
 (Chi tiết tại Biểu mẫu 14/HCC kèm theo)

b) Sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:hồ sơ;
- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần:hồ sơ;
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt:....%. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt:...%
 (Chi tiết tại Biểu mẫu 15/HCC kèm theo)

c) UBND cấp huyện.

- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:hồ sơ;
- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần:hồ sơ;
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt:....%. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt:...%
 (Chi tiết tại Biểu mẫu 16/HCC kèm theo)

d) UBND cấp xã.

- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình:hồ sơ;
- Tiếp nhận hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần:hồ sơ;
- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt:....%. Trong đó, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt:...%
 (Chi tiết tại Biểu mẫu 17/HCC kèm theo)

2. Đánh giá chung

3. Kiến nghị, đề xuất

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (để tổng hợp, báo cáo nhiệm vụ phát triển KT-XH, QP-AN);
- Sở Thông tin và Truyền thông (để theo dõi);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (để biết);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để biết);
- ...
- BGĐ Trung tâm;
- Lưu: VT, HCQT.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 14/HCC

Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

**BẢNG THỐNG KÊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA
THÁNG.. /QUÝ.../NĂM ...**

(Từ ngày ... đến ngày ...)

(kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày / / của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Đơn vị	Tổng số hồ sơ	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Ghi chú
			Trực tuyến	Trực tiếp	Qua BCCI			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Sở, ban, ngành cấp tỉnh					= $(a+c)/(a+b+c+d) \times 100$	= $c/(c+d) \times 100$	
1	DVC trực tuyến một phần		a	b				
2	DVC trực tuyến toàn trình		c	d				
II	UBND cấp huyện							
1	DVC trực tuyến một phần							
2	DVC trực tuyến toàn trình							
III	UBND cấp xã							
1	DVC trực tuyến một phần							
2	DVC trực tuyến toàn trình							
IV	Tổng cộng toàn tỉnh (I+II+III)							
1	DVC trực tuyến một phần							
2	DVC trực tuyến toàn trình							

Biểu mẫu 15/HCC

Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư,
Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

**BẢNG THỐNG KÊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRỰC TUYẾN CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH CẤP TỈNH
THÁNG.. /QUÝ..../NĂM ...**

(Từ ngày ... đến ngày ...)

(kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày / / của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tiếp nhận hồ sơ của dịch vụ công trực tuyến				Đánh giá theo Quyết định số ... (Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến: ..%; Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình: ...%) ¹				Ghi chú
		Tổng số hồ sơ	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Đánh giá (Vượt chỉ tiêu/không đạt)	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Đánh giá (Vượt chỉ tiêu/không đạt)	
			Trực tuyến	Trực tiếp	BCCI					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Sở/ ngành ...					$=\frac{a+c}{a+b+c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	$=\frac{c}{c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	
	DVC trực tuyến một phần		a	b						
	DVC trực tuyến toàn trình		c	d						
2	Sở/ ngành ...									
	DVC trực tuyến một phần									
	DVC trực tuyến toàn trình									
3	...									

¹ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tùy thuộc vào chỉ tiêu được giao hằng năm.

Biểu mẫu 16/HCC

Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư,
Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

BẢNG THỐNG KÊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRỰC TUYẾN CỦA UBND CẤP HUYỆN
THÁNG.. /QUÝ.../NĂM ...

(Từ ngày ... đến ngày ...)

(kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày / / của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Tên đơn vị	Tiếp nhận hồ sơ của dịch vụ công trực tuyến				Đánh giá theo Quyết định số ... (Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến: ..%; Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình: ...%) ²				Ghi chú
		Tổng số hồ sơ	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Đánh giá (đạt/không đạt)	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Đánh giá (đạt/không đạt)	
			Trực tuyến	Trực tiếp	BCCI					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	UBND huyện, thị xã, thành phố ...					$=\frac{a+c}{a+b+c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	$=\frac{c}{c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	
	DVC trực tuyến một phần		a	b						
	DVC trực tuyến toàn trình		c	d						
2	UBND huyện, thị xã, thành phố ...									
	DVC trực tuyến một phần									
	DVC trực tuyến toàn trình									
3	...									

² Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tùy thuộc vào chỉ tiêu được giao hằng năm.

Biểu mẫu 17/HCC

Cơ quan báo cáo: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Cơ quan nhận báo cáo: Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư,
Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan khác.

**BẢNG THỐNG KÊ TIẾP NHẬN HỒ SƠ TRỰC TUYẾN CỦA UBND CẤP XÃ
THÁNG.. /QUÝ..../NĂM ...**

(Từ ngày ... đến ngày ...)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-HCC ngày / / của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

TT	Đơn vị	Tiếp nhận hồ sơ của dịch vụ công trực tuyến				Đánh giá theo Quyết định số ... (Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến: ..%; Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình: ...%) ³			
		Tổng số	Trong đó			Tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến	Đánh giá (đạt/không đạt)	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	Đánh giá (đạt/không đạt)
			Trực tuyến	Trực tiếp	BCCI				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Huyện, thị xã, thành phố ...								
1.1	UBND xã, phường, thị trấn ...					$=\frac{a+c}{a+b+c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt	$=\frac{c}{c+d} \times 100$	Vượt chỉ tiêu/không đạt
	DVC trực tuyến một phần		a	c					
	DVC trực tuyến toàn trình		b	d					
1.2	UBND xã, phường, thị trấn ...								
2	Huyện, thị xã, thành phố ...								
	...								

³ Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến tùy thuộc vào chỉ tiêu được giao hằng năm.